

VAI TRÒ CỦA LIÊN HỢP QUỐC TRONG DUY TRÌ HÒA BÌNH VÀ AN NINH THẾ GIỚI NHỮNG THẬP NIÊN CUỐI THẾ KỶ XX VÀ ĐẦU THẾ KỶ XXI

Kim Ngọc Thu Trang*

Ngày nhận bài: 20/5/2026 | Ngày gửi phản biện: 02/6/2026 | Ngày duyệt đăng: 23/6/2026

Tóm tắt: Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế là mục tiêu cơ bản và quan trọng nhất của Liên Hợp Quốc kể từ khi tổ chức này được thành lập năm 1945. Trong bối cảnh thế giới trải qua những biến động sâu sắc từ cuối thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI, đặc biệt là sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh, sự gia tăng các cuộc xung đột sắc tộc, khủng bố quốc tế, chiến tranh phi truyền thống và các thách thức an ninh xuyên quốc gia, vai trò của Liên Hợp Quốc ngày càng được khẳng định nhưng đồng thời cũng bộc lộ nhiều hạn chế. Bài viết phân tích cơ sở pháp lý và cơ chế hoạt động của Liên Hợp Quốc trong lĩnh vực duy trì hòa bình và an ninh quốc tế; đánh giá những thành tựu nổi bật của tổ chức này trong các hoạt động gìn giữ hòa bình, ngăn ngừa xung đột và tái thiết hậu chiến; đồng thời chỉ ra những khó khăn, hạn chế trong việc xử lý các cuộc khủng hoảng quốc tế. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số nhận định về triển vọng và yêu cầu cải cách Liên Hợp Quốc nhằm nâng cao hiệu quả duy trì hòa bình và an ninh thế giới trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Hòa bình quốc tế, an ninh quốc tế, Hội đồng Bảo an, Liên Hợp Quốc.

Abstract: Maintaining international peace and security has been the primary and most fundamental objective of the United Nations (UN) since its establishment in 1945. Against the backdrop of profound transformations in the international system from the late twentieth century to the early twenty-first century-particularly the end of the Cold War, the rise of ethnic conflicts, international terrorism, non-traditional warfare, and transnational security challenges-the role of the United Nations has become increasingly prominent, while its institutional limitations have also become more apparent. This article examines the legal foundations and institutional mechanisms through which the United Nations fulfills its mandate of maintaining

* TS., Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên; Email: khanhtrang2004@gmail.com

international peace and security. It assesses the organization's major achievements in peacekeeping, conflict prevention, peacebuilding, and post-conflict reconstruction, while also analyzing the challenges and constraints it has encountered in responding to major international crises. Based on these findings, the article offers several observations on the future role of the United Nations and discusses the necessity of institutional reform to enhance its effectiveness in maintaining international peace and security in an increasingly complex global environment.

Keywords: International peace, international security, Security Council, United Nations.

1. Đặt vấn đề

Sự ra đời của Liên Hợp Quốc năm 1945 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại. Sau những tổn thất nặng nề của Chiến tranh thế giới thứ hai, cộng đồng quốc tế nhận thức sâu sắc rằng, cần thiết phải xây dựng một cơ chế toàn cầu có khả năng ngăn ngừa chiến tranh và duy trì hòa bình lâu dài. Chính vì vậy, Điều 1 của Hiến chương Liên Hợp Quốc xác định mục tiêu hàng đầu của tổ chức là duy trì hòa bình và an ninh quốc tế thông qua các biện pháp tập thể nhằm ngăn ngừa và loại bỏ các mối đe dọa đối với hòa bình (United Nations, 1945).

Trong những thập niên cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, môi trường an ninh quốc tế có nhiều thay đổi căn bản. Sự tan rã của hệ thống hai cực Liên Xô - Mỹ tạo ra những cơ hội mới cho hợp tác quốc tế, nhưng đồng thời nhiều cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo và ly khai bùng phát tại nhiều khu vực trên thế giới. Bên cạnh đó, sự nổi lên của chủ nghĩa khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và các thách thức an ninh phi truyền thống đã đặt ra những yêu cầu mới đối với vai trò của Liên Hợp Quốc.

Trong bối cảnh đó, Liên Hợp Quốc đã triển khai nhiều hoạt động gìn giữ hòa bình, trung gian hòa giải, xây dựng hòa bình và tái thiết hậu xung đột. Tuy nhiên, tổ chức này cũng phải đối mặt với không ít khó khăn do sự khác biệt lợi ích giữa các cường quốc, những hạn chế về nguồn lực và các bất cập trong cơ chế ra quyết định. Việc nghiên cứu vai trò của Liên Hợp Quốc trong duy trì hòa bình và an ninh thế giới vì vậy có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Nghiên cứu về vai trò của Liên Hợp Quốc trong duy trì hòa bình và an ninh quốc tế đã thu hút sự quan tâm của đông đảo học giả quốc tế kể từ khi tổ chức này được thành lập năm 1945. Trải qua hơn tám thập niên phát triển, cùng với những biến động của môi

trường an ninh toàn cầu, các nghiên cứu không chỉ tập trung đánh giá hiệu quả hoạt động của Liên Hợp Quốc trong việc ngăn ngừa và giải quyết xung đột, mà còn mở rộng sang phân tích vai trò của tổ chức này trong quản trị toàn cầu, bảo vệ con người, xây dựng hòa bình sau xung đột và ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống. Có thể khái quát các hướng nghiên cứu chủ yếu thành bốn nhóm chính.

Nhóm nghiên cứu thứ nhất tập trung phân tích vai trò thể chế và vị trí của Liên Hợp Quốc trong hệ thống quan hệ quốc tế. Đây là hướng nghiên cứu hình thành sớm và có ảnh hưởng lớn trong giới học thuật. Một trong những công trình tiêu biểu là *The Oxford Handbook on the United Nations* do Weiss và Daws (2018) chủ biên. Trên cơ sở tiếp cận đa ngành, công trình đã hệ thống hóa quá trình hình thành, phát triển và cải cách của Liên Hợp Quốc, đồng thời phân tích vai trò của các cơ quan chính như Đại hội đồng, Hội đồng Bảo an, Ban Thư ký và các cơ quan chuyên môn trong quản trị toàn cầu. Các tác giả cho rằng, mặc dù chịu nhiều ràng buộc bởi lợi ích của các quốc gia thành viên, đặc biệt là năm nước thường trực Hội đồng Bảo an, Liên Hợp Quốc vẫn là thiết chế toàn cầu có tính chính danh cao nhất trong điều phối hợp tác quốc tế, duy trì hòa bình và thúc đẩy phát triển bền vững.

Theo hướng tiếp cận này, Hanhimäki (2015) nhấn mạnh rằng, vai trò của Liên Hợp Quốc cần được nhìn nhận trong mối quan hệ giữa lý tưởng và hiện thực của chính trị quốc tế. Theo tác giả, Liên Hợp Quốc không phải là một “chính phủ thế giới” có quyền lực siêu quốc gia mà là một diễn đàn phản ánh tương quan quyền lực của hệ thống quốc tế. Do đó, hiệu quả hoạt động của tổ chức luôn chịu tác động trực tiếp từ sự đồng thuận, hoặc bất đồng giữa các cường quốc. Cách tiếp cận này góp phần giải thích vì sao nhiều cuộc khủng hoảng quốc tế không thể được giải quyết triệt để mặc dù Liên Hợp Quốc có đầy đủ cơ sở pháp lý để hành động.

Nhóm nghiên cứu thứ hai tập trung đánh giá hiệu quả của các hoạt động gìn giữ hòa bình (peacekeeping), được xem là lĩnh vực hoạt động nổi bật nhất của Liên Hợp Quốc sau Chiến tranh Lạnh. Bellamy và Williams (2021) cho rằng, hoạt động gìn giữ hòa bình đã trải qua quá trình phát triển từ mô hình truyền thống chỉ giám sát ngừng bắn sang mô hình đa chiều với các nhiệm vụ bảo vệ dân thường, hỗ trợ tiến trình chính trị, cải cách khu vực an ninh, giải giáp lực lượng vũ trang và tái thiết thể chế sau xung đột. Theo các tác giả, thành công của các sứ mệnh gìn giữ hòa bình không chỉ được đo bằng khả năng chấm dứt bạo lực, mà còn ở mức độ tạo lập nền hòa bình bền vững thông qua việc khôi phục năng lực quản trị quốc gia.

Một đóng góp quan trọng khác thuộc hướng nghiên cứu này là công trình của Howard (2008) về nguyên nhân thành công của các sứ mệnh gìn giữ hòa bình. Thông

qua phân tích nhiều trường hợp thực nghiệm, Howard chỉ ra rằng, hiệu quả của lực lượng gìn giữ hòa bình phụ thuộc vào ba yếu tố chủ yếu gồm sự đồng thuận giữa các bên xung đột, tính chính danh quốc tế của sứ mệnh và năng lực tổ chức của Liên Hợp Quốc. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ngay cả khi lực lượng gìn giữ hòa bình không có ưu thế quân sự, sự hiện diện của họ vẫn góp phần làm giảm đáng kể nguy cơ tái diễn xung đột bằng cách tạo dựng lòng tin giữa các bên và hỗ trợ thực hiện các thỏa thuận hòa bình.

Nhóm nghiên cứu thứ ba tập trung vào xây dựng hòa bình (peacebuilding), quản trị hậu xung đột và bảo vệ con người. Paris (2004) là một trong những học giả tiêu biểu của hướng nghiên cứu này khi cho rằng, việc tổ chức bầu cử hoặc áp dụng nhanh các mô hình dân chủ tự do sau xung đột không phải lúc nào cũng tạo ra hòa bình bền vững. Theo Paris, quá trình xây dựng nhà nước cần được tiến hành từng bước, kết hợp giữa phát triển thể chế, tăng cường năng lực quản trị và thúc đẩy phát triển kinh tế. Quan điểm này đã ảnh hưởng mạnh đến các chương trình xây dựng hòa bình của Liên Hợp Quốc trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI.

Liên quan đến vấn đề bảo vệ con người, Thakur (2017) phân tích sự phát triển của nguyên tắc “Trách nhiệm bảo vệ” (Responsibility to Protect - R2P) như một bước chuyển quan trọng trong tư duy về chủ quyền quốc gia. Theo Thakur, sau những thất bại của cộng đồng quốc tế tại Rwanda và Bosnia, cộng đồng quốc tế dần chuyển từ quan niệm coi chủ quyền là quyền tuyệt đối của quốc gia sang cách tiếp cận coi chủ quyền gắn liền với trách nhiệm bảo vệ người dân. Nghiên cứu khẳng định, R2P không phủ nhận nguyên tắc chủ quyền mà bổ sung nội hàm mới cho chủ quyền trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự gia tăng của các cuộc khủng hoảng nhân đạo. Đồng thời, tác giả cũng chỉ ra rằng việc triển khai R2P trong thực tiễn vẫn chịu ảnh hưởng đáng kể bởi lợi ích chính trị của các cường quốc, thể hiện qua những tranh luận xung quanh các trường hợp Kosovo, Libya hay Syria.

Nhóm nghiên cứu thứ tư là đánh giá vai trò của Liên Hợp Quốc dưới góc độ quản trị toàn cầu và các chuẩn mực quốc tế. Hurd (2014) cho rằng, quyền lực của Liên Hợp Quốc không chỉ xuất phát từ các quy định pháp lý của Hiến chương, mà còn từ tính chính danh mà cộng đồng quốc tế dành cho tổ chức này. Theo tác giả, ngay cả những quốc gia có tiềm lực quân sự mạnh cũng phải tìm kiếm sự ủng hộ của Liên Hợp Quốc để gia tăng tính hợp pháp cho các hành động đối ngoại của mình. Điều này cho thấy, quyền lực của Liên Hợp Quốc phần lớn mang tính chuẩn tắc (normative power), được xây dựng trên cơ sở luật pháp quốc tế và sự đồng thuận của cộng đồng quốc tế hơn là sức mạnh cưỡng chế quân sự.

Song song với các nghiên cứu về quyền lực chuẩn tắc là các công trình tập trung vào khía cạnh chính trị của Hội đồng Bảo an. Malone (2004) cho rằng, những thay đổi trong môi trường chiến lược sau Chiến tranh Lạnh đã làm gia tăng đáng kể vai trò của Hội đồng Bảo an trong quản lý các cuộc khủng hoảng quốc tế. Tuy nhiên, cơ chế quyền phủ quyết vẫn là rào cản lớn nhất đối với hiệu quả hoạt động của cơ quan này. Theo Malone, trong nhiều trường hợp, Hội đồng Bảo an không thiếu cơ sở pháp lý để hành động mà thiếu sự đồng thuận chính trị giữa các nước lớn. Nhận định này cũng được Weiss (2018) chia sẻ khi cho rằng, khoảng cách giữa tính chính danh của Liên Hợp Quốc và năng lực hành động trên thực tế vẫn là một trong những vấn đề nổi cộm của quản trị toàn cầu hiện nay.

Bên cạnh các nghiên cứu quốc tế, tại Việt Nam, các công trình liên quan đến Liên Hợp Quốc chủ yếu tập trung vào lịch sử hình thành, cơ cấu tổ chức, vai trò của Hội đồng Bảo an, hoạt động gìn giữ hòa bình, hoặc chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với Liên Hợp Quốc.

Bài viết “*Liên Hợp Quốc trong bối cảnh quốc tế mới*” của tác giả Ngô Chí Nguyên đăng trên Tạp chí Cộng sản ngày 05/10/2007 đã khẳng định những đóng góp không nhỏ của Liên Hợp Quốc cho hòa bình và tiến bộ của nhân loại, đồng thời chỉ rõ sự đổi thay nhanh chóng và sâu sắc của tình hình quốc tế sau Chiến tranh Lạnh, đặt ra những câu hỏi về sự tồn tại, vai trò và khả năng của tổ chức quốc tế lớn nhất thế giới này trong thời gian tới.

Tác giả Hoàng Thị Thanh Nga trong bài viết “*Củng cố sứ mệnh và khẳng định vai trò của Liên Hợp Quốc trong thế giới phân mảnh*” đăng trên Tạp chí Cộng sản ngày 17/3/2026 đã khẳng định vai trò quan trọng của Liên Hợp Quốc trong việc gìn giữ hòa bình, thúc đẩy hợp tác phát triển và hình thành hệ thống pháp lý, chuẩn mực quốc tế trên nhiều lĩnh vực, từ đó, nhấn mạnh trong bối cảnh thế giới cạnh tranh gay gắt và phân mảnh như hiện nay, Liên Hợp Quốc vẫn đóng vai trò đặc biệt, không thể thay thế trong việc tập hợp và dẫn dắt nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trước những vấn đề toàn cầu.

Ngoài ra, có thể kể đến một số bài viết đã phân tích quá trình Việt Nam tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình, những đóng góp của Việt Nam tại Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2008-2009 và 2020-2021, cũng như tác động của Liên Hợp Quốc đối với việc bảo đảm môi trường hòa bình phục vụ phát triển đất nước. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu này mang tính mô tả, hoặc phân tích từng lĩnh vực riêng lẻ, trong khi các nghiên cứu tổng hợp về sự biến đổi vai trò của Liên Hợp Quốc trong bối cảnh chuyển đổi của trật tự

quốc tế sau Chiến tranh Lạnh còn tương đối hạn chế. Đặc biệt, chưa có nhiều công trình tiếp cận đồng thời từ góc độ lý luận quan hệ quốc tế, cơ sở pháp lý quốc tế và thực tiễn hoạt động của Liên Hợp Quốc nhằm đánh giá toàn diện sự thay đổi chức năng duy trì hòa bình và an ninh quốc tế của tổ chức này trong những thập niên cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI.

Từ tổng quan các công trình nghiên cứu có thể nhận thấy ba khoảng trống nghiên cứu đáng chú ý. *Thứ nhất*, đa số các nghiên cứu quốc tế tập trung phân tích từng khía cạnh riêng biệt như hoạt động gìn giữ hòa bình, Hội đồng Bảo an, hoặc xây dựng hòa bình, trong khi các nghiên cứu tích hợp giữa cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và thực tiễn triển khai của Liên Hợp Quốc còn chưa nhiều. *Thứ hai*, trong bối cảnh môi trường an ninh quốc tế đang chuyển biến nhanh chóng dưới tác động của cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, sự nổi lên của các thách thức an ninh phi truyền thống, xung đột phi đối xứng và sự phát triển của công nghệ số, nhiều kết luận được hình thành trong giai đoạn sau Chiến tranh Lạnh cần được xem xét và cập nhật. *Thứ ba*, tại Việt Nam vẫn còn thiếu các nghiên cứu chuyên sâu đánh giá sự chuyển đổi vai trò của Liên Hợp Quốc trong duy trì hòa bình và an ninh quốc tế dưới góc nhìn kết hợp giữa quan hệ quốc tế, luật pháp quốc tế và quản trị toàn cầu, đồng thời rút ra những hàm ý đối với chính sách đối ngoại và quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu nêu trên, bài viết tập trung phân tích vai trò của Liên Hợp Quốc trong duy trì hòa bình và an ninh thế giới từ những thập niên cuối thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI trên ba phương diện: (i) Làm rõ cơ sở lý luận và pháp lý của chức năng duy trì hòa bình và an ninh quốc tế; (ii) Đánh giá thực tiễn hoạt động của Liên Hợp Quốc trong giải quyết các cuộc xung đột, triển khai gìn giữ hòa bình và xây dựng hòa bình sau xung đột; và (iii) Phân tích những hạn chế, thách thức, cũng như triển vọng cải cách Liên Hợp Quốc trong bối cảnh trật tự quốc tế đang chuyển sang xu hướng đa cực và quản trị toàn cầu ngày càng phức tạp. Cách tiếp cận này kỳ vọng góp phần bổ sung góc nhìn tổng hợp về sự phát triển vai trò của Liên Hợp Quốc, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu và hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam trong khuôn khổ hệ thống quản trị toàn cầu.

2. Cơ sở lý luận và pháp lý về vai trò của Liên Hợp Quốc trong duy trì hòa bình và an ninh quốc tế

Việc nghiên cứu vai trò của Liên Hợp Quốc trong duy trì hòa bình và an ninh quốc tế cần được đặt trên nền tảng của cả lý luận quan hệ quốc tế và cơ sở pháp lý của luật pháp quốc tế hiện đại. Với tư cách là tổ chức liên chính phủ có quy mô toàn cầu lớn nhất hiện

nay, Liên Hợp Quốc không chỉ là một diễn đàn chính trị - ngoại giao giữa các quốc gia, mà còn là trung tâm điều phối các cơ chế quản trị toàn cầu nhằm ngăn ngừa xung đột, giải quyết tranh chấp và thúc đẩy hòa bình bền vững. Kể từ khi được thành lập năm 1945, tổ chức này đã trở thành thiết chế quan trọng nhất trong hệ thống an ninh tập thể sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Vai trò đó không chỉ xuất phát từ những quy định mang tính pháp lý của Hiến chương Liên Hợp Quốc, mà còn được củng cố bởi những phát triển của lý luận quan hệ quốc tế, đặc biệt là các cách tiếp cận của chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do thể chế, chủ nghĩa kiến tạo và lý thuyết quản trị toàn cầu.

Theo *Chủ nghĩa hiện thực* (Realism), hệ thống quốc tế về bản chất là vô chính phủ (anarchy), không tồn tại một quyền lực tối cao có khả năng cưỡng chế các quốc gia. Theo quan điểm này, các quốc gia luôn theo đuổi lợi ích quốc gia và tìm cách tối đa hóa quyền lực nhằm bảo đảm an ninh của mình. Vì vậy, các tổ chức quốc tế, bao gồm Liên Hợp Quốc, chỉ có thể hoạt động hiệu quả khi lợi ích của các cường quốc không xung đột với nhau (Mearsheimer, 1994). Từ góc nhìn hiện thực, Hội đồng Bảo an phản ánh tương quan quyền lực sau Chiến tranh thế giới thứ hai thông qua cơ chế năm thành viên thường trực có quyền phủ quyết. Điều này giải thích vì sao trong nhiều cuộc khủng hoảng quốc tế, đặc biệt là trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, cũng như giai đoạn cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn hiện nay, Liên Hợp Quốc thường gặp khó khăn trong việc đưa ra các quyết định mang tính ràng buộc do sự khác biệt lợi ích giữa các cường quốc.

Mặc dù vậy, cách tiếp cận hiện thực chưa thể giải thích đầy đủ sự gia tăng đáng kể vai trò của Liên Hợp Quốc sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. *Chủ nghĩa tự do thể chế* (Neoliberal Institutionalism) cho rằng, ngay cả trong một hệ thống vô chính phủ, các quốc gia vẫn có động cơ hợp tác thông qua các thiết chế quốc tế nhằm giảm chi phí giao dịch, tăng cường minh bạch, xây dựng lòng tin và tạo ra các cơ chế giám sát việc thực hiện cam kết quốc tế (Keohane, 1984). Theo Robert Keohane, các tổ chức quốc tế không thay thế vai trò của quốc gia, nhưng có khả năng làm thay đổi hành vi của các quốc gia thông qua việc xây dựng các quy tắc, chuẩn mực và cơ chế phối hợp hành động. Dưới góc nhìn này, Liên Hợp Quốc được xem là một thiết chế quản trị toàn cầu giúp giảm thiểu nguy cơ xung đột bằng cách cung cấp diễn đàn đối thoại, thúc đẩy ngoại giao phòng ngừa, trung gian hòa giải và điều phối các hoạt động gìn giữ hòa bình. Chính nhờ các chức năng này mà sau năm 1990, Liên Hợp Quốc đã mở rộng đáng kể số lượng và phạm vi các sứ mệnh gìn giữ hòa bình, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong giải quyết các cuộc xung đột tại Campuchia, Mozambique, Namibia, Đông Timor, Sierra Leone và nhiều khu vực khác.

Bên cạnh chủ nghĩa tự do thể chế, *chủ nghĩa kiến tạo* (Constructivism) cũng đóng góp quan trọng vào việc giải thích vai trò ngày càng mở rộng của Liên Hợp Quốc trong quản trị hòa bình quốc tế. Theo Alexander Wendt (1999), bản chất của hệ thống quốc tế không chỉ được quyết định bởi phân bố quyền lực, mà còn chịu ảnh hưởng của các ý tưởng, chuẩn mực và bản sắc được các quốc gia cùng kiến tạo trong quá trình tương tác. Theo cách tiếp cận này, hòa bình quốc tế không chỉ được duy trì thông qua cân bằng quyền lực hay răn đe quân sự, mà còn thông qua việc hình thành các chuẩn mực chung về hành vi của các quốc gia. Trong bối cảnh đó, Liên Hợp Quốc đóng vai trò là chủ thể kiến tạo và phổ biến các chuẩn mực quốc tế như giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, cấm sử dụng vũ lực, bảo vệ quyền con người, chống diệt chủng và thúc đẩy phát triển bền vững. Những chuẩn mực này dần trở thành các giá trị phổ quát được cộng đồng quốc tế thừa nhận và có tác động đáng kể đến hành vi của các quốc gia, kể cả những quốc gia có tiềm lực quân sự lớn.

Một trong những đóng góp lý luận quan trọng khác là cách tiếp cận *quản trị toàn cầu* (Global Governance). Khái niệm này được phát triển mạnh từ những năm 1990 nhằm phản ánh sự chuyển dịch từ mô hình quản trị dựa hoàn toàn vào quốc gia sang mô hình quản trị đa chủ thể, trong đó các tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực, doanh nghiệp xuyên quốc gia và các tổ chức phi chính phủ cùng tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Theo hướng tiếp cận này, Liên Hợp Quốc được xem là trung tâm của mạng lưới quản trị toàn cầu, có chức năng điều phối hành động giữa các chủ thể nhằm ứng phó với các thách thức vượt quá khả năng giải quyết của từng quốc gia riêng lẻ. Vai trò của Liên Hợp Quốc vì thế không còn giới hạn trong việc ngăn ngừa chiến tranh giữa các quốc gia mà mở rộng sang các lĩnh vực như chống khủng bố quốc tế, giải trừ quân bị, an ninh mạng, biến đổi khí hậu, dịch bệnh toàn cầu và an ninh con người. Điều này phản ánh sự thay đổi căn bản trong nhận thức về khái niệm an ninh quốc tế từ cuối thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI.

Song song với sự phát triển của lý luận quản trị toàn cầu là sự mở rộng nội hàm của khái niệm an ninh. Nếu trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, an ninh chủ yếu được hiểu theo nghĩa quân sự và bảo vệ chủ quyền quốc gia, thì sau năm 1990, nhiều học giả bắt đầu nhấn mạnh đến khái niệm an ninh con người (human security). Theo đó, an ninh không chỉ là bảo vệ biên giới quốc gia, mà còn là bảo đảm cho con người được sống trong môi trường không có bạo lực, nghèo đói, dịch bệnh và các mối đe dọa phi truyền thống. Quan điểm này đã làm thay đổi đáng kể nhận thức về vai trò của Liên Hợp Quốc trong duy trì hòa bình. Các hoạt động gìn giữ hòa bình hiện đại không còn chỉ tập trung vào giám sát ngừng bắn, mà còn bao gồm bảo vệ dân thường, hỗ trợ bầu cử,

tái thiết thể chế, cải cách khu vực an ninh, hỗ trợ phát triển kinh tế và thúc đẩy hòa giải dân tộc. Đây cũng là cơ sở lý luận cho sự hình thành khái niệm xây dựng hòa bình (peacebuilding), được coi là một trong những trụ cột quan trọng của hoạt động Liên Hợp Quốc trong thế kỷ XXI.

Một nội dung lý luận có ý nghĩa đặc biệt quan trọng là sự phát triển của nguyên tắc “Trách nhiệm bảo vệ”. Sau những thất bại của cộng đồng quốc tế trong việc ngăn chặn nạn diệt chủng tại Rwanda năm 1994 và vụ thảm sát Srebrenica năm 1995, nhiều học giả và nhà hoạch định chính sách cho rằng, nguyên tắc chủ quyền quốc gia cần được diễn giải theo hướng gắn với trách nhiệm bảo vệ người dân. Theo Báo cáo của Ủy ban Quốc tế về Can thiệp và Chủ quyền Quốc gia (ICISS, 2001), chủ quyền không chỉ là quyền của quốc gia, mà còn bao hàm nghĩa vụ bảo vệ công dân trước các tội ác nghiêm trọng. Khi một quốc gia không có khả năng, hoặc không muốn thực hiện trách nhiệm đó, cộng đồng quốc tế, thông qua Liên Hợp Quốc, có thể xem xét áp dụng các biện pháp tập thể phù hợp với Hiến chương nhằm ngăn chặn các hành vi diệt chủng, tội ác chiến tranh, thanh lọc sắc tộc và tội ác chống loài người. Mặc dù vẫn còn nhiều tranh luận về phạm vi áp dụng, R2P đã đánh dấu bước phát triển quan trọng trong tư duy lý luận về vai trò của Liên Hợp Quốc, chuyển trọng tâm từ bảo vệ chủ quyền quốc gia sang bảo vệ con người như là chủ thể trung tâm của an ninh quốc tế.

Bên cạnh việc lý giải từ các cách tiếp cận lý luận khác nhau, vai trò của Liên Hợp Quốc trong duy trì hòa bình và an ninh quốc tế còn được xác lập trên nền tảng pháp lý chặt chẽ là Hiến chương Liên Hợp Quốc năm 1945. Đây không chỉ là văn kiện sáng lập tổ chức, mà còn được coi là một trong những “bản hiến pháp” của trật tự quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai, xác lập những nguyên tắc cơ bản chi phối quan hệ giữa các quốc gia, cũng như cơ chế duy trì hòa bình và an ninh tập thể. Khác với Hội Quốc liên trước đây vốn thiếu cơ chế cưỡng chế hữu hiệu, Hiến chương Liên Hợp Quốc đã thiết lập một hệ thống pháp lý tương đối toàn diện, trao cho tổ chức này những thẩm quyền cần thiết để ngăn ngừa xung đột, giải quyết tranh chấp, áp dụng các biện pháp cưỡng chế và trong những trường hợp cần thiết có thể sử dụng vũ lực tập thể nhằm khôi phục hòa bình quốc tế (United Nations, 1945).

Có thể thấy rằng, cơ sở pháp lý của vai trò Liên Hợp Quốc không phải là một hệ thống tĩnh mà luôn vận động cùng với sự biến đổi của môi trường an ninh quốc tế. Từ các quy định nền tảng của Hiến chương năm 1945 đến các học thuyết và văn kiện phát triển sau Chiến tranh Lạnh, khuôn khổ pháp lý của Liên Hợp Quốc đã từng bước mở rộng từ mục tiêu ngăn ngừa chiến tranh giữa các quốc gia sang quản trị toàn diện các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Chính sự phát triển này tạo tiền đề

để Liên Hợp Quốc duy trì vị thế là thiết chế trung tâm của hệ thống an ninh tập thể toàn cầu, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả ứng phó với các cuộc khủng hoảng ngày càng phức tạp trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột phi đối xứng và các mối đe dọa an ninh xuyên quốc gia. Trên nền tảng lý luận và pháp lý đó, việc đánh giá thực tiễn hoạt động của Liên Hợp Quốc trong những thập niên cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI sẽ cho thấy rõ hơn mức độ thành công, cũng như những giới hạn của tổ chức này trong việc thực hiện sứ mệnh duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

3. Vai trò của Liên Hợp Quốc trong duy trì hòa bình và an ninh quốc tế giai đoạn cuối thế kỷ XX

Sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh vào cuối những năm 1980 và đầu thập niên 1990 đã tạo ra bước ngoặt quan trọng đối với cấu trúc của hệ thống quốc tế cũng như vai trò của Liên Hợp Quốc trong duy trì hòa bình và an ninh quốc tế. Trong gần nửa thế kỷ trước đó, sự đối đầu giữa hai cực Mỹ và Liên Xô khiến cơ chế an ninh tập thể của Liên Hợp Quốc nhiều lần rơi vào tình trạng tê liệt do việc sử dụng quyền phủ quyết tại Hội đồng Bảo an. Theo thống kê của Malone (2004), trong giai đoạn Chiến tranh Lạnh, hàng trăm dự thảo nghị quyết đã không được thông qua vì sự cạnh tranh chiến lược giữa hai siêu cường, làm hạn chế đáng kể khả năng của Liên Hợp Quốc trong việc xử lý các cuộc khủng hoảng quốc tế. Tuy nhiên, khi trật tự hai cực sụp đổ, môi trường chính trị quốc tế trở nên thuận lợi hơn cho hợp tác đa phương. Sự đồng thuận tương đối giữa các cường quốc trong những năm đầu sau Chiến tranh Lạnh đã tạo điều kiện để Hội đồng Bảo an hoạt động hiệu quả hơn, đồng thời mở rộng đáng kể phạm vi và tính chất của các hoạt động gìn giữ hòa bình, kiến tạo hòa bình và xây dựng hòa bình sau xung đột.

Một trong những thay đổi quan trọng nhất trong giai đoạn này là sự chuyển dịch từ cách tiếp cận an ninh truyền thống, vốn chủ yếu tập trung vào ngăn ngừa chiến tranh giữa các quốc gia, sang cách tiếp cận toàn diện hơn, chú trọng giải quyết các cuộc xung đột nội bộ, xung đột sắc tộc, khủng hoảng nhân đạo và sự sụp đổ của các thiết chế nhà nước. Theo Bellamy và Williams (2021), khoảng 80% các cuộc xung đột vũ trang sau năm 1990 là các cuộc nội chiến hoặc xung đột trong phạm vi quốc gia, thay vì chiến tranh giữa các quốc gia có chủ quyền. Điều này buộc Liên Hợp Quốc phải điều chỉnh cả tư duy lẫn phương thức hoạt động. Thay vì chỉ đóng vai trò giám sát các thỏa thuận ngừng bắn, tổ chức này ngày càng tham gia sâu vào các tiến trình trung gian hòa giải, hỗ trợ bầu cử, cải cách thể chế, tái thiết nhà nước và bảo vệ dân thường. Sự chuyển đổi đó phản ánh xu hướng mở rộng nội hàm của khái niệm hòa bình từ “hòa bình tiêu cực” - chấm dứt xung đột vũ trang - sang “hòa bình tích cực”, bao gồm việc giải quyết các nguyên nhân chính trị, kinh tế và xã hội dẫn đến bất ổn kéo dài.

Bối cảnh mới cũng thúc đẩy sự phát triển của ngoại giao phòng ngừa (preventive diplomacy), một trong những công cụ được Liên Hợp Quốc đặc biệt coi trọng từ đầu thập niên 1990. Báo cáo *An Agenda for Peace* do Tổng Thư ký Boutros Boutros-Ghali công bố năm 1992 đã xác định ngoại giao phòng ngừa là một trong bốn trụ cột của hoạt động duy trì hòa bình, bên cạnh kiến tạo hòa bình, gìn giữ hòa bình và xây dựng hòa bình sau xung đột (United Nations, 1992). Báo cáo này nhấn mạnh rằng, việc ngăn chặn xung đột ngay từ giai đoạn đầu luôn có chi phí thấp hơn và hiệu quả hơn nhiều so với việc can thiệp sau khi chiến tranh đã bùng phát. Trên cơ sở đó, Liên Hợp Quốc tăng cường sử dụng các biện pháp trung gian hòa giải, cử đặc phái viên, hỗ trợ đàm phán và thúc đẩy đối thoại giữa các bên xung đột nhằm hạn chế nguy cơ leo thang thành chiến tranh.

Thực tiễn trong giai đoạn cuối thế kỷ XX cho thấy, ngoại giao phòng ngừa và trung gian hòa giải đã trở thành một trong những đóng góp nổi bật của Liên Hợp Quốc. Trường hợp Namibia được xem là một ví dụ điển hình về thành công của mô hình này. Sau nhiều năm xung đột liên quan đến quá trình phi thực dân hóa và tranh chấp giữa Nam Phi với các lực lượng giải phóng dân tộc, Nhóm Hỗ trợ Chuyển tiếp của Liên Hợp Quốc (UNTAG) được triển khai năm 1989 nhằm giám sát thực hiện Nghị quyết 435 của Hội đồng Bảo an. Không chỉ giám sát việc rút quân và ngừng bắn, UNTAG còn hỗ trợ tổ chức bầu cử tự do, giám sát tiến trình chuyển tiếp và tạo điều kiện để Namibia giành độc lập một cách hòa bình vào năm 1990.

Một ví dụ khác là tiến trình hòa bình tại El Salvador, nơi Phái bộ Quan sát Liên Hợp Quốc tại El Salvador (ONUSAL) đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát thực hiện Hiệp định Chapultepec năm 1992. Khác với các sứ mệnh truyền thống chỉ tập trung vào quân sự, ONUSAL đặc biệt chú trọng đến cải cách tư pháp, bảo vệ quyền con người, cải tổ lực lượng cảnh sát và hỗ trợ tiến trình dân chủ hóa. Theo Howard (2008), việc mở rộng nhiệm vụ của ONUSAL phản ánh nhận thức ngày càng rõ ràng rằng, hòa bình bền vững không thể đạt được nếu chỉ chấm dứt bạo lực mà không giải quyết các nguyên nhân cấu trúc của xung đột như bất bình đẳng, yếu kém thể chế và vi phạm quyền con người. Đây cũng là cơ sở hình thành khái niệm “xây dựng hòa bình”, sau này trở thành một trong những lĩnh vực hoạt động quan trọng của Liên Hợp Quốc.

Nhìn tổng thể, các trường hợp Namibia và El Salvador cho thấy, giai đoạn cuối thế kỷ XX là thời kỳ mở rộng đáng kể vai trò của Liên Hợp Quốc từ một tổ chức chủ yếu làm trung gian ngoại giao sang một chủ thể tích cực tham gia quản trị hậu xung đột. Nếu trước đây các hoạt động của Liên Hợp Quốc chủ yếu dừng ở việc giám sát ngừng bắn, hoặc triển khai lực lượng quan sát quân sự, thì từ đầu thập niên 1990, các sứ mệnh ngày càng mang tính đa chiều, kết hợp giữa các công cụ chính trị, quân sự, pháp lý,

nhân đạo và phát triển. Sự chuyển đổi này phản ánh quá trình thích ứng của Liên Hợp Quốc trước những thay đổi của môi trường an ninh quốc tế, đồng thời tạo nền tảng cho sự phát triển của các hoạt động gìn giữ hòa bình đa chức năng trong những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI.

4. Vai trò của Liên Hợp Quốc trong duy trì hòa bình và an ninh quốc tế đầu thế kỷ XXI

Bước sang thế kỷ XXI, môi trường an ninh quốc tế chứng kiến những biến đổi sâu sắc cả về bản chất của các mối đe dọa lẫn phương thức quản trị an ninh toàn cầu. Nếu giai đoạn cuối thế kỷ XX chủ yếu được đánh dấu bởi các cuộc nội chiến, xung đột sắc tộc và quá trình chuyển đổi sau Chiến tranh Lạnh, thì từ sau năm 2001, đặc biệt là sau các vụ tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 tại Hoa Kỳ, khái niệm hòa bình và an ninh quốc tế đã được mở rộng đáng kể. Các mối đe dọa truyền thống như chiến tranh giữa các quốc gia không còn là trọng tâm duy nhất của chương trình nghị sự quốc tế; thay vào đó là sự nổi lên của chủ nghĩa khủng bố xuyên quốc gia, phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tội phạm có tổ chức, cướp biển, an ninh mạng, biến đổi khí hậu, dịch bệnh toàn cầu và các thách thức đối với an ninh con người. Trong bối cảnh đó, Liên Hợp Quốc tiếp tục giữ vai trò là thiết chế trung tâm của hệ thống an ninh tập thể, song chức năng và phương thức hoạt động của tổ chức đã có sự điều chỉnh đáng kể nhằm thích ứng với những yêu cầu mới của quản trị toàn cầu (Weiss & Daws, 2018).

4.1. Vai trò của Liên Hợp Quốc trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI

Nếu như giai đoạn cuối thế kỷ XX đánh dấu sự mở rộng mạnh mẽ của các hoạt động gìn giữ hòa bình đa chiều thì hai thập niên đầu thế kỷ XXI lại đặt Liên Hợp Quốc trước những cuộc khủng hoảng an ninh có mức độ phức tạp chưa từng có. Đặc điểm nổi bật của giai đoạn này là sự đan xen giữa xung đột nội bộ với cạnh tranh địa - chính trị giữa các cường quốc, sự gia tăng của các tổ chức khủng bố xuyên quốc gia, sự can dự ngày càng sâu của các chủ thể ngoài nhà nước và xu hướng quốc tế hóa các cuộc nội chiến. Trong bối cảnh đó, Liên Hợp Quốc vừa phải duy trì vai trò là trung tâm của hệ thống an ninh tập thể, vừa phải thích ứng với thực tế rằng nhiều cuộc khủng hoảng không còn có thể giải quyết chỉ bằng các cơ chế gìn giữ hòa bình truyền thống. Điều này khiến hiệu quả hoạt động của tổ chức ngày càng phụ thuộc vào mức độ đồng thuận chính trị giữa các nước ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an, cũng như khả năng phối hợp giữa Liên Hợp Quốc với các tổ chức khu vực và các chủ thể quốc tế khác (Weiss & Daws, 2018).

Cuộc khủng hoảng tại Afghanistan sau các vụ tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001 là phép thử đầu tiên đối với vai trò của Liên Hợp Quốc trong môi trường an

ninh mới. Sau khi chính quyền Taliban sụp đổ, Liên Hợp Quốc đóng vai trò trung tâm trong việc điều phối tiến trình chính trị thông qua *Hiệp định Bonn* năm 2001, hỗ trợ thành lập Chính quyền Chuyển tiếp Afghanistan và triển khai United Nations Assistance Mission in Afghanistan theo Nghị quyết 1401 (2002) của Hội đồng Bảo an. Không giống các sứ mệnh gìn giữ hòa bình truyền thống, UNAMA không sở hữu lực lượng quân sự riêng mà tập trung vào điều phối viện trợ quốc tế, hỗ trợ xây dựng thể chế nhà nước, thúc đẩy cải cách hành chính, tổ chức bầu cử, tăng cường pháp quyền và giám sát tình hình nhân quyền. Theo Howard (2019), đây là mô hình điển hình của “phái bộ chính trị đặc biệt” (Special Political Mission), phản ánh xu hướng Liên Hợp Quốc chuyển trọng tâm từ triển khai lực lượng quân sự sang hỗ trợ quản trị quốc gia và xây dựng năng lực thể chế.

Nếu Afghanistan phản ánh những giới hạn của hoạt động xây dựng hòa bình, thì cuộc chiến tại Iraq năm 2003 lại đặt ra câu hỏi căn bản về vai trò của Liên Hợp Quốc trong việc bảo vệ luật pháp quốc tế và duy trì tính chính danh của hệ thống an ninh tập thể. Khác với Afghanistan, chiến dịch quân sự do Hoa Kỳ và đồng minh tiến hành nhằm lật đổ chính quyền Saddam Hussein không nhận được nghị quyết cho phép sử dụng vũ lực của Hội đồng Bảo an. Điều này đã tạo ra những tranh luận sâu sắc về mối quan hệ giữa quyền tự vệ, can thiệp nhân đạo và thẩm quyền của Hội đồng Bảo an theo Hiến chương Liên Hợp Quốc. Theo Hurd (2014), trường hợp Iraq cho thấy, cơ chế an ninh tập thể không thể vận hành hiệu quả khi các cường quốc sẵn sàng hành động đơn phương dựa trên tính toán chiến lược của mình. Mặc dù không ủng hộ cuộc chiến, Liên Hợp Quốc vẫn đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn hậu xung đột thông qua Phái bộ Hỗ trợ của Liên Hợp Quốc tại Iraq (United Nations Assistance Mission for Iraq - UNAMI), được thành lập theo Nghị quyết 1500 (2003). UNAMI có nhiệm vụ hỗ trợ tiến trình chuyển đổi chính trị, tư vấn xây dựng hiến pháp, thúc đẩy đối thoại dân tộc, điều phối viện trợ nhân đạo và hỗ trợ tổ chức bầu cử.

Một trong những cuộc khủng hoảng nhân đạo nghiêm trọng nhất đầu thế kỷ XXI là xung đột tại vùng Darfur thuộc Sudan. Từ năm 2003, các cuộc giao tranh giữa lực lượng Chính phủ Sudan, lực lượng Janjaweed và các nhóm nổi dậy đã gây ra hàng trăm nghìn người thiệt mạng và hàng triệu người phải di dời. Trước áp lực của cộng đồng quốc tế, Hội đồng Bảo an đã thông qua nhiều nghị quyết áp đặt cấm vận vũ khí, thành lập Ủy ban điều tra và lần đầu tiên chuyển hồ sơ một quốc gia không phải thành viên của Tòa án Hình sự quốc tế (International Criminal Court - ICC) đến ICC theo Nghị quyết 1593 (2005). Đây là bước phát triển quan trọng trong mối quan hệ giữa Liên Hợp Quốc và cơ chế tư pháp hình sự quốc tế, khẳng định rằng các hành vi diệt chủng, tội ác chiến tranh

và tội ác chống loài người có thể bị truy cứu trách nhiệm ở cấp độ quốc tế. Bên cạnh các biện pháp pháp lý, Liên Hợp Quốc còn phối hợp với Liên minh châu Phi (African Union) triển khai Phái bộ hỗn hợp Liên Hợp Quốc - Liên minh châu Phi tại Darfur (United Nations - African Union Hybrid Operation in Darfur - UNAMID) vào năm 2007. Đây là sứ mệnh gìn giữ hòa bình đầu tiên được đồng quản lý bởi Liên Hợp Quốc và một tổ chức khu vực, phản ánh xu hướng tăng cường hợp tác đa cấp trong quản trị an ninh quốc tế.

Bên cạnh Sudan, cuộc khủng hoảng tại Libya năm 2011 được xem là một trong những dấu mốc quan trọng nhất trong lịch sử phát triển của cơ chế an ninh tập thể của Liên Hợp Quốc, bởi đây là lần đầu tiên nguyên tắc “Trách nhiệm bảo vệ” được vận dụng trên quy mô lớn với sự cho phép của Hội đồng Bảo an. Khi làn sóng *Mùa xuân Arab* lan rộng tại Bắc Phi, các cuộc biểu tình chống chính quyền của Muammar Gaddafi nhanh chóng chuyển thành xung đột vũ trang. Trước nguy cơ lực lượng chính phủ tiến hành các hành động đàn áp quy mô lớn đối với dân thường, Hội đồng Bảo an đã thông qua Nghị quyết 1970 (2011), áp đặt lệnh cấm vận vũ khí, phong tỏa tài sản và chuyển hồ sơ Libya lên International Criminal Court. Chỉ vài tuần sau, Nghị quyết 1973 (2011) tiếp tục cho phép các quốc gia thành viên sử dụng “mọi biện pháp cần thiết” để bảo vệ dân thường, đồng thời thiết lập vùng cấm bay trên không phận Libya. Đây là lần đầu tiên Hội đồng Bảo an chính thức viện dẫn tinh thần của R2P để hợp pháp hóa việc sử dụng vũ lực nhằm ngăn chặn các hành vi có nguy cơ dẫn tới tội ác chống loài người (Thakur, 2017).

Một trường hợp khác phản ánh sự thay đổi của hoạt động gìn giữ hòa bình đầu thế kỷ XXI là Mali. Sau cuộc đảo chính năm 2012 và sự mở rộng của các nhóm khủng bố có liên hệ với Al-Qaeda và IS tại khu vực Sahel, Hội đồng Bảo an thành lập Phái bộ ổn định tích hợp đa chiều của Liên Hợp Quốc tại Mali (United Nations Multidimensional Integrated Stabilization Mission in Mali - MINUSMA) năm 2013 với nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện Thỏa thuận Hòa bình Algiers, bảo vệ dân thường, hỗ trợ cải cách khu vực an ninh và tạo điều kiện cho viện trợ nhân đạo. Tuy nhiên, khác với các sứ mệnh truyền thống, MINUSMA hoạt động trong môi trường mà không tồn tại một lệnh ngừng bắn ổn định, trong khi các nhóm khủng bố thường xuyên sử dụng chiến thuật đánh bom, phục kích và thiết bị nổ tự chế. Điều này khiến MINUSMA trở thành một trong những sứ mệnh có tỷ lệ thương vong cao nhất trong lịch sử gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc.

Những kinh nghiệm từ Afghanistan, Iraq, Sudan, Libya, Syria và Mali phản ánh sự thay đổi căn bản của môi trường an ninh quốc tế đầu thế kỷ XXI. Khác với giai đoạn sau Chiến tranh Lạnh, phần lớn các cuộc xung đột hiện nay đều mang tính chất đa tầng,

kết hợp giữa nội chiến, khủng bố, cạnh tranh địa - chính trị, khủng hoảng nhân đạo và các thách thức xuyên quốc gia. Trong bối cảnh đó, vai trò của Liên Hợp Quốc không còn giới hạn ở việc triển khai lực lượng gìn giữ hòa bình mà ngày càng mở rộng sang điều phối viện trợ nhân đạo, hỗ trợ xây dựng thể chế, thúc đẩy hòa giải dân tộc, tăng cường pháp quyền và phối hợp với các tổ chức khu vực trong quản trị xung đột. Tuy nhiên, hiệu quả của những hoạt động này vẫn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi mức độ đồng thuận giữa các cường quốc trong Hội đồng Bảo an, năng lực của quốc gia sở tại và sự sẵn sàng của cộng đồng quốc tế trong việc huy động nguồn lực.

4.2. Vai trò của Liên Hợp Quốc sau năm 2020

Bước sang thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, vai trò của Liên Hợp Quốc trong duy trì hòa bình và an ninh quốc tế tiếp tục được đặt trong một bối cảnh địa chính trị và an ninh toàn cầu có nhiều biến động sâu sắc. Nếu giai đoạn đầu thế kỷ XXI chủ yếu được đặc trưng bởi cuộc chiến chống khủng bố và các cuộc nội chiến kéo dài tại Trung Đông và châu Phi, thì từ năm 2020 trở lại đây, hệ thống quốc tế phải đồng thời đối mặt với nhiều thách thức mang tính toàn cầu như đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu, an ninh mạng, khủng hoảng năng lượng, gián đoạn chuỗi cung ứng, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và đặc biệt là xung đột Nga - Ukraine. Những biến động này không chỉ làm thay đổi nội hàm của khái niệm hòa bình và an ninh quốc tế, mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc cải cách hệ thống quản trị toàn cầu.

Đại dịch COVID-19 là phép thử chưa từng có đối với năng lực điều phối của hệ thống Liên Hợp Quốc. Mặc dù đây không phải là một cuộc xung đột vũ trang theo nghĩa truyền thống, nhưng đại dịch đã gây ra những tác động sâu rộng đối với hòa bình và an ninh quốc tế thông qua việc làm gia tăng bất bình đẳng, khủng hoảng kinh tế, bất ổn chính trị và nguy cơ bùng phát xung đột tại nhiều khu vực. Trước tình hình đó, Tổng Thư ký António Guterres đã kêu gọi một *lệnh ngừng bắn toàn cầu* (Global Ceasefire) nhằm tạo điều kiện cho các quốc gia tập trung nguồn lực ứng phó với đại dịch. Mặc dù sáng kiến này không được thực hiện đầy đủ trong thực tế, nhưng nó thể hiện cách tiếp cận mới của Liên Hợp Quốc khi coi các mối đe dọa phi truyền thống như dịch bệnh cũng có khả năng làm suy giảm hòa bình và an ninh quốc tế.

Đồng thời, các cơ quan chuyên môn như Tổ chức Y tế Thế giới (World Health Organization), Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (United Nations Children's Fund), Chương trình Lương thực thế giới (World Food Programme) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (United Nations Development Programme) đã phối hợp triển khai các chương trình hỗ trợ y tế, bảo đảm an ninh lương thực, phục hồi sinh kế và tăng cường

năng lực quản trị tại các quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề. Điều này cho thấy vai trò của Liên Hợp Quốc ngày càng vượt ra ngoài khuôn khổ giải quyết xung đột để hướng tới quản trị các rủi ro toàn cầu có tính liên ngành.

Một thách thức khác có ảnh hưởng sâu sắc đến vai trò của Liên Hợp Quốc là sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, đặc biệt giữa Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nga. Khác với giai đoạn đầu sau Chiến tranh Lạnh, khi Hội đồng Bảo an có mức độ đồng thuận tương đối cao, những năm gần đây chứng kiến xu hướng phân cực rõ rệt trong nhiều vấn đề quốc tế. Quyền phủ quyết được sử dụng thường xuyên hơn, khiến Hội đồng Bảo an gặp nhiều khó khăn trong việc đưa ra các quyết định thống nhất đối với các cuộc khủng hoảng tại Syria, Myanmar, Gaza hay Ukraine. Theo Hurd (2014), hiệu quả của Liên Hợp Quốc luôn gắn chặt với mức độ đồng thuận giữa các cường quốc; khi sự đồng thuận suy giảm, khả năng thực thi chức năng duy trì hòa bình của tổ chức cũng bị hạn chế đáng kể. Tuy nhiên, điều đó không đồng nghĩa với việc Liên Hợp Quốc mất đi vai trò của mình. Trái lại, trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược gia tăng, các diễn đàn đa phương do Liên Hợp Quốc điều phối vẫn là không gian quan trọng để duy trì đối thoại, giảm thiểu nguy cơ đối đầu trực tiếp và xây dựng các quy tắc ứng xử quốc tế.

Xung đột Nga - Ukraine từ năm 2022 là minh chứng rõ nét nhất cho những giới hạn, cũng như giá trị của Liên Hợp Quốc trong môi trường quốc tế hiện nay. Là một trong năm ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an, Nga có quyền phủ quyết đối với các nghị quyết liên quan trực tiếp đến cuộc xung đột, khiến cơ chế an ninh tập thể gần như rơi vào trạng thái bế tắc trong việc đưa ra các biện pháp cưỡng chế. Tuy nhiên, điều đó không làm mất đi vai trò của các cơ quan khác trong hệ thống Liên Hợp Quốc. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua nhiều nghị quyết với đa số áp đảo nhằm khẳng định các nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp Quốc, đặc biệt là tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và cấm sử dụng vũ lực trái với luật pháp quốc tế. Đồng thời, các cơ quan nhân đạo của Liên Hợp Quốc tiếp tục triển khai hoạt động cứu trợ, hỗ trợ người tị nạn, giám sát tình hình nhân quyền và điều phối viện trợ quốc tế cho người dân bị ảnh hưởng bởi chiến sự. Trường hợp Ukraine cho thấy, mặc dù Hội đồng Bảo an có thể bị tê liệt bởi quyền phủ quyết, hệ thống Liên Hợp Quốc vẫn duy trì vai trò quan trọng trong việc bảo vệ các chuẩn mực pháp lý quốc tế và huy động sự đồng thuận của cộng đồng quốc tế thông qua các cơ chế đa phương khác.

Như vậy, có thể thấy, vai trò của Liên Hợp Quốc trong duy trì hòa bình và an ninh quốc tế đầu thế kỷ XXI mang tính hai mặt. *Một mặt*, tổ chức vẫn là trung tâm của hệ thống quản trị toàn cầu, đóng vai trò không thể thay thế trong việc xây dựng luật pháp

quốc tế, điều phối các hoạt động nhân đạo, gìn giữ hòa bình, xây dựng hòa bình và thúc đẩy hợp tác đa phương. *Mặt khác*, hiệu quả của Liên Hợp Quốc vẫn bị giới hạn bởi cơ chế quyền phủ quyết, sự cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, khoảng cách giữa chuẩn mực pháp lý và thực tiễn chính trị, cũng như những hạn chế về nguồn lực và năng lực triển khai. Điều đó cho thấy, cải cách Liên Hợp Quốc không chỉ là yêu cầu mang tính thể chế, mà còn là điều kiện cần thiết để hệ thống an ninh tập thể có thể thích ứng với môi trường quốc tế đang thay đổi nhanh chóng.

5. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, vai trò của Liên Hợp Quốc trong duy trì hòa bình và an ninh quốc tế đã trải qua một quá trình chuyển đổi sâu sắc từ cuối thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI. Nếu trong giai đoạn Chiến tranh Lạnh và những năm đầu sau Chiến tranh Lạnh, chức năng chủ yếu của Liên Hợp Quốc vẫn là triển khai các hoạt động gìn giữ hòa bình truyền thống dựa trên ba nguyên tắc cơ bản gồm sự đồng thuận của các bên, tính trung lập và việc sử dụng vũ lực ở mức tối thiểu, thì từ sau năm 2000, đặc biệt sau các vụ tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001, phạm vi hoạt động của tổ chức đã được mở rộng đáng kể theo hướng quản trị toàn diện các vấn đề hòa bình và an ninh toàn cầu. Những phát hiện của nghiên cứu này tương đồng với lập luận của Bellamy và Williams (2021), khi cho rằng, hoạt động gìn giữ hòa bình hiện đại không còn đơn thuần là công cụ ngăn chặn xung đột quân sự, mà đã trở thành một cơ chế tổng hợp bao gồm bảo vệ dân thường, hỗ trợ xây dựng nhà nước, thúc đẩy quản trị dân chủ, tái thiết kinh tế và tăng cường năng lực thể chế tại các quốc gia hậu xung đột.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, quá trình mở rộng chức năng của Liên Hợp Quốc không đồng nghĩa với việc nâng cao tương ứng hiệu quả của hệ thống an ninh tập thể. Ngược lại, khi phạm vi nhiệm vụ ngày càng mở rộng, tổ chức lại phải đối mặt với nhiều hạn chế hơn do sự thay đổi của môi trường chiến lược quốc tế. Đây là điểm mà nghiên cứu này phát triển thêm so với nhiều công trình trước đây. Trong khi Bellamy và Williams chủ yếu tập trung phân tích sự phát triển của hoạt động gìn giữ hòa bình, bài viết này chỉ ra rằng hiệu quả của Liên Hợp Quốc không chỉ phụ thuộc vào thiết kế của các sứ mệnh gìn giữ hòa bình mà còn chịu ảnh hưởng quyết định từ cấu trúc phân bố quyền lực trong hệ thống quốc tế. Điều này đặc biệt rõ trong các trường hợp Iraq, Syria và Ukraine, nơi sự đối đầu giữa các cường quốc đã làm suy giảm đáng kể khả năng ra quyết định của Hội đồng Bảo an.

Những kết quả này đồng thời củng cố lập luận của Hurd (2014) về mối quan hệ giữa tính chính danh (legitimacy) và quyền lực (power) trong hoạt động của Liên Hợp Quốc. Theo Hurd, sức mạnh của tổ chức không xuất phát từ năng lực cưỡng chế trực

tiếp mà chủ yếu dựa trên tính chính danh của luật pháp quốc tế và sự chấp nhận của các quốc gia thành viên. Phân tích trong bài nghiên cứu cho thấy, nhận định này vẫn giữ nguyên giá trị trong bối cảnh hiện nay. Trong nhiều trường hợp, ngay cả khi Hội đồng Bảo an không đạt được đồng thuận để ban hành các nghị quyết có tính ràng buộc, các nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp Quốc vẫn tiếp tục định hướng hành vi của đa số quốc gia và trở thành cơ sở pháp lý cho các hoạt động ngoại giao, nhân đạo cũng như hợp tác quốc tế. Điều này được thể hiện rõ trong phản ứng của cộng đồng quốc tế đối với xung đột Nga - Ukraine, khi Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, mặc dù không có quyền ban hành các biện pháp cưỡng chế, vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc khẳng định các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và tạo dựng sức ép chính trị đối với các bên liên quan.

Một phát hiện đáng chú ý khác của nghiên cứu là sự chuyển dịch từ mô hình “gìn giữ hòa bình” (peacekeeping) sang “duy trì hòa bình bền vững” (sustaining peace). Xu hướng này đã được nhiều học giả đề cập, song bài viết cho rằng, sự chuyển đổi không chỉ phản ánh sự mở rộng về chức năng, mà còn thể hiện sự thay đổi căn bản trong tư duy về an ninh quốc tế. Nếu trước đây hòa bình thường được hiểu là sự chấm dứt chiến tranh giữa các quốc gia, thì trong bối cảnh hiện nay, hòa bình được nhìn nhận như kết quả của một quá trình phát triển toàn diện bao gồm quản trị hiệu quả, phát triển bền vững, bảo vệ quyền con người, tăng cường khả năng chống chịu của xã hội và phòng ngừa xung đột từ gốc. Chính sự thay đổi trong nhận thức này đã dẫn tới việc Liên Hợp Quốc ngày càng quan tâm hơn đến các lĩnh vực như biến đổi khí hậu, an ninh y tế, an ninh mạng, bình đẳng giới và phát triển bền vững như những thành tố không thể tách rời của hòa bình quốc tế.

Dưới góc nhìn của chủ nghĩa tự do thể chế (liberal institutionalism), những kết quả của nghiên cứu tiếp tục khẳng định vai trò thiết yếu của các tổ chức quốc tế trong việc giảm chi phí hợp tác, cung cấp thông tin, xây dựng lòng tin và hình thành các chuẩn mực chung giữa các quốc gia. Mặc dù Hội đồng Bảo an nhiều lần rơi vào tình trạng bế tắc do quyền phủ quyết của các nước lớn, hệ thống Liên Hợp Quốc vẫn duy trì hiệu quả đáng kể thông qua mạng lưới các cơ quan chuyên môn, các chương trình phát triển, các hoạt động nhân đạo và các cơ chế xây dựng hòa bình sau xung đột. Điều này cho thấy đánh giá hiệu quả của Liên Hợp Quốc không nên chỉ giới hạn ở khả năng triển khai các biện pháp cưỡng chế quân sự mà cần được xem xét trên toàn bộ hệ sinh thái thể chế mà tổ chức đã xây dựng trong gần tám thập niên qua. Quan điểm này phù hợp với lập luận của Keohane (1984), Weiss và Daws (2018), khi nhấn mạnh rằng, giá trị lớn nhất của các thể chế quốc tế nằm ở khả năng duy trì hợp tác ngay cả trong điều kiện lợi ích của các quốc gia chưa hoàn toàn thống nhất.

Ngược lại, từ góc độ của chủ nghĩa hiện thực, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng những hạn chế của Liên Hợp Quốc vẫn mang tính cấu trúc và chưa được khắc phục một cách căn bản. Các trường hợp Bosnia trước đây hay Syria và Ukraine trong giai đoạn gần đây đều phản ánh thực tế rằng, hiệu quả của cơ chế an ninh tập thể phụ thuộc rất lớn vào mức độ đồng thuận giữa các cường quốc. Khi lợi ích chiến lược của các ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an đối lập nhau, quyền phủ quyết có thể làm tê liệt quá trình ra quyết định, khiến Liên Hợp Quốc không thể thực hiện đầy đủ chức năng duy trì hòa bình theo tinh thần của Hiến chương. Điều này củng cố nhận định của Mearsheimer (2018) và nhiều học giả theo trường phái hiện thực rằng các tổ chức quốc tế khó có thể vượt lên trên lợi ích quyền lực của các quốc gia lớn. Tuy nhiên, bài nghiên cứu cũng cho rằng, cách tiếp cận hiện thực chưa giải thích đầy đủ sự tồn tại và sức ảnh hưởng lâu dài của Liên Hợp Quốc. Thực tiễn cho thấy, ngay cả trong những giai đoạn cạnh tranh chiến lược gay gắt, các quốc gia vẫn tiếp tục sử dụng Liên Hợp Quốc như một diễn đàn để hợp pháp hóa chính sách đối ngoại, tìm kiếm sự ủng hộ quốc tế và duy trì đối thoại đa phương. Điều này chứng tỏ quyền lực và thể chế không phải là hai yếu tố đối lập tuyệt đối mà có mối quan hệ tương tác phức tạp.

Một điểm mới của bài nghiên cứu là việc kết hợp cách tiếp cận quản trị toàn cầu (global governance) với phân tích về sự phát triển của vai trò Liên Hợp Quốc. Không giống các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào hoạt động gìn giữ hòa bình, bài viết lập luận rằng, chức năng quan trọng nhất của Liên Hợp Quốc trong thế kỷ XXI không nằm ở việc trực tiếp giải quyết mọi cuộc xung đột mà ở khả năng điều phối mạng lưới hợp tác giữa các quốc gia, các tổ chức khu vực, các định chế tài chính quốc tế, khu vực tư nhân và xã hội dân sự nhằm ứng phó với các thách thức xuyên quốc gia. Đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu, an ninh mạng hay khủng bố quốc tế đều là những vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của bất kỳ quốc gia đơn lẻ nào. Trong bối cảnh đó, Liên Hợp Quốc ngày càng đóng vai trò như một “kiến trúc sư thể chế” (institutional architect), thiết lập các khuôn khổ hợp tác, thúc đẩy chia sẻ thông tin và hình thành các chuẩn mực quốc tế mới thay vì chỉ là một tổ chức gìn giữ hòa bình theo nghĩa truyền thống.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, đánh giá vai trò của Liên Hợp Quốc chỉ dựa trên tiêu chí ngăn chặn chiến tranh hay giải quyết thành công các cuộc xung đột riêng lẻ sẽ dẫn đến cái nhìn chưa toàn diện. Đóng góp lớn nhất của tổ chức trong hơn ba thập niên qua không chỉ nằm ở các sứ mệnh gìn giữ hòa bình hay các hoạt động trung gian hòa giải, mà còn ở việc thúc đẩy sự phát triển của luật pháp quốc tế, phổ biến các chuẩn mực về bảo vệ dân thường, trách nhiệm bảo vệ, xây dựng hòa bình bền vững và

phát triển bền vững. Chính các chuẩn mực này đã góp phần định hình hành vi của các chủ thể quốc tế và tạo nền tảng cho sự phát triển của hệ thống quản trị toàn cầu hiện đại.

Nhìn chung, vai trò của Liên Hợp Quốc không nên đánh giá bằng tiêu chí “thành công” hay “thất bại” của từng sứ mệnh cụ thể. Với tư cách là thiết chế trung tâm của trật tự quốc tế sau năm 1945, giá trị lớn nhất của Liên Hợp Quốc nằm ở khả năng tạo lập các chuẩn mực chung, duy trì các kênh đối thoại đa phương, điều phối hợp tác quốc tế và cung cấp khuôn khổ pháp lý cho việc quản trị các thách thức an ninh xuyên quốc gia. Trong bối cảnh thế giới đang chuyển dịch sang cấu trúc đa cực với mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nước lớn, những chức năng này càng trở nên quan trọng. Mặc dù khó có thể kỳ vọng Liên Hợp Quốc giải quyết triệt để mọi cuộc xung đột quốc tế, tổ chức này vẫn là thiết chế không thể thay thế trong việc duy trì tính liên tục của chủ nghĩa đa phương và bảo vệ các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Chính vì vậy, cải cách Liên Hợp Quốc cần được xem là quá trình tăng cường năng lực thích ứng của hệ thống quản trị toàn cầu trước những biến đổi của môi trường chiến lược, thay vì chỉ tập trung vào việc điều chỉnh cơ cấu của Hội đồng Bảo an.

6. Kết luận

Sự ra đời của Liên Hợp Quốc năm 1945 đánh dấu bước phát triển quan trọng của hệ thống quản trị toàn cầu sau hai cuộc chiến tranh thế giới, phản ánh khát vọng của cộng đồng quốc tế trong việc xây dựng một cơ chế an ninh tập thể dựa trên luật pháp quốc tế, chủ nghĩa đa phương và hợp tác giữa các quốc gia. Trải qua hơn tám thập niên phát triển, đặc biệt từ những thập niên cuối thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI, vai trò của Liên Hợp Quốc trong duy trì hòa bình và an ninh quốc tế đã không ngừng được mở rộng cả về phạm vi chức năng, nội dung hoạt động và phương thức can thiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, quá trình chuyển đổi này không diễn ra theo tuyến tính mà phản ánh sự thích ứng liên tục của tổ chức trước những biến động sâu sắc của môi trường an ninh quốc tế cũng như sự thay đổi trong nhận thức của cộng đồng quốc tế về bản chất của hòa bình và an ninh.

Đóng góp quan trọng của nghiên cứu là chỉ ra rằng, sự phát triển vai trò của Liên Hợp Quốc không chỉ là kết quả của những thay đổi trong môi trường an ninh quốc tế mà còn phản ánh quá trình phát triển của các chuẩn mực quốc tế về quản trị toàn cầu. Từ chỗ tập trung chủ yếu vào bảo vệ chủ quyền quốc gia, cộng đồng quốc tế ngày càng coi trọng các giá trị như quyền con người, bảo vệ dân thường, phát triển bền vững, bình đẳng giới và an ninh con người. Chính sự thay đổi trong hệ giá trị này đã mở rộng phạm vi hoạt động của Liên Hợp Quốc từ một tổ chức chủ yếu giải quyết xung đột quân sự

sang một thiết chế điều phối các vấn đề an ninh toàn cầu đa chiều. Điều đó cũng lý giải vì sao trong những năm gần đây, Liên Hợp Quốc ngày càng tích cực tham gia vào các lĩnh vực như ứng phó với đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, an ninh lương thực và thực hiện Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều hạn chế về thể chế, nguồn lực và sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, Liên Hợp Quốc vẫn là thiết chế quan trọng nhất trong việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế. Giá trị cốt lõi của tổ chức không chỉ nằm ở khả năng triển khai các hoạt động gìn giữ hòa bình, mà còn ở việc xây dựng các chuẩn mực pháp lý quốc tế, tạo lập các cơ chế hợp tác đa phương, điều phối các hoạt động nhân đạo và thúc đẩy đối thoại giữa các quốc gia. Chính những chức năng này đã góp phần duy trì tính ổn định của trật tự quốc tế trong suốt giai đoạn chuyển đổi từ cuối thế kỷ XX sang đầu thế kỷ XXI, đồng thời tạo nền tảng để cộng đồng quốc tế tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị toàn cầu, hướng tới mục tiêu xây dựng một trật tự quốc tế hòa bình, ổn định, bao trùm và phát triển bền vững trong thế kỷ XXI.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt:

1. Hoàng Thị Thanh Nga (2026). “Củng cố sứ mệnh và khẳng định vai trò của Liên Hợp Quốc trong thế giới phân mảnh”. *Tạp chí Cộng sản*, 17/3/2026. https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/cac-bai-viet-ve-tap-chi-cong-san/-/2018/1227302/view_content

Tiếng Anh:

1. Bellamy, A. J., & Williams, P. D. (2021). *Understanding peacekeeping* (3th ed.). Wiley, 2021 Press. <https://www.perlego.com/ereader/2058267>
2. Berdal, M. (2003). “How “new” are “new wars”? Global economic change and the study of civil war”. *Global Governance*, 9(4), 477–502. <https://sci-hub.vn/10.1163/19426720-00904007>
3. Boutros-Ghali, B. (1992). “An agenda for peace: Preventive diplomacy, peacemaking and peacekeeping”. United Nations. https://cic.nyu.edu/wp-content/uploads/2022/11/an_agenda_for_peace_1992.pdf
4. Chesterman, S. (2004). “You, the people: The United Nations, transitional administration, and state-building”. *Oxford University Press*. https://www.ipinst.org/wp-content/uploads/publications/the_1.pdf
5. Gowan, R. (2023). “UN peace operations in an era of geopolitical rivalry”. *Global Governance*, 29(1), 1–20.
6. Hanhimäki, J. M. (2015). “The United Nations: A very short introduction” (2nd ed.). *Oxford University Press*. https://www.academia.edu/96290795/The_United_Nations_a_very_short_introduction
7. Howard, L. M. (2008). “UN peacekeeping in civil wars”. *Cambridge University Press*. https://assets.cambridge.org/97805218/81388/frontmatter/9780521881388_frontmatter.pdf
8. Howard, L. M. (2019). “Power in peacekeeping”. *Cambridge University Press*. https://assets.cambridge.org/97811084/71121/frontmatter/9781108471121_frontmatter.pdf

9. Hurd, I. (2014). "International organizations: Politics, law, practice" (2nd ed.). *Cambridge University Press*. https://assets.cambridge.org/97811070/40977/frontmatter/9781107040977_frontmatter.pdf
10. ICISS (2001). "The responsibility to protect". International Development Research Centre. <file:///C:/Users/Admin/Downloads/2001-ICISS-Report.pdf>
11. Keohane, R. O. (1984). "After hegemony: Cooperation and discord in the world political economy". *Princeton University Press*. <https://professor.pucgoias.edu.br/sitedocente/admin/arquivos/Upload/17973/material/KEOHANE%20After%20Hegemony%20-%20Cooperation%20and%20Regimes.pdf>
12. Malone, D. M. (Ed.). (2004). *The UN Security Council: From the Cold War to the 21st century*. Lynne Rienner Publishers. <https://www.rienner.com/uploads/47d995239fdc1.pdf>
13. Mearsheimer, J. J. (2018). *The great delusion: Liberal dreams and international realities*. *Yale University Press*. <https://www.sackett.net/MearsheimerGreatDelusion.pdf>
14. Ngô Chí Nguyễn (2007), "Liên Hợp Quốc trong bối cảnh quốc tế mới". *Tạp chí Cộng sản*. <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/thong-tin-ly-luan/-/2018/2946/lien-hop-quoc-trong-boi-can-h-quoc-te-moi.aspx>
15. Paris, R. (2004). "At war's end: Building peace after civil conflict". I. https://assets.cambridge.org/97805218/34124/frontmatter/9780521834124_frontmatter.pdf
16. Paris, R. (2023). "Peacebuilding after liberal internationalism". *Review of International Studies*, 49(4), 685-704.
17. Thakur, R. (2017). "The United Nations, peace and security: From collective security to the responsibility to protect" (2nd ed.). *Cambridge University Press*. <https://ir101.co.uk/wp-content/uploads/2018/11/Thakur-2017-The-United-Nations-Peace-and-Security-compressed.pdf>
18. United Nations. (1945). Charter of the United Nations. <https://www.un.org/en/about-us/un-charter>
19. United Nations. (1992). "An agenda for peace". United Nations. file:///C:/Users/Admin/Downloads/%5EST_%5EDPI_1247-EN.pdf
20. Weiss, T. G., & Daws, S. (Eds.). (2018). "The Oxford handbook on the United Nations" (2nd ed.). *Oxford University Press*. https://api.pageplace.de/preview/DT0400.9780192524645_A35502731/preview-9780192524645_A35502731.pdf
21. Wendt, A. (1999). "Social theory of international politics". *Cambridge University Press*. <http://www.guillaumenicaise.com/wp-content/uploads/2013/10/Wendt-Social-Theory-of-International-Politics.pdf>